



TẠP CHÍ KHOA HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

HNUE Journal of Science

**Khoa học Xã hội
Social Sciences**

ISSN 2354 - 1067

Volume 62, Issue 11, 2017

TẠP CHÍ KHOA HỌC TRƯỜNG ĐHSP HÀ NỘI

Tổng biên tập: Đỗ Việt Hùng
Phó Tổng biên tập: Vũ Quốc Trung

Hội đồng Biên tập

1. Lê Huy Bắc	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
2. Yangsoo Bea	Đại học Pusan, Hàn Quốc
3. Vũ Thị Kim Dung	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
4. Phạm Hoàng Hải	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
5. Nguyễn Văn Hiệp	Viện Hàn lâm Khoa học và Xã hội Việt Nam
6. Bùi Mạnh Hùng	Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh
7. Phan Hải Linh	Đại học Quốc gia Hà Nội
8. Lưu Thị Kim Nhung	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
9. Phạm Hồng Thái	Vietnam Academy of Social Sciences
10. Văn Ngọc Thành	Hanoi National University of Education
11. Trần Nho Thìn	Đại học Quốc gia Hà Nội
12. Nguyễn Việt Thịnh	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
13. Trần Ngọc Thêm	Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Tp. Hồ Chí Minh
14. Lê Thông	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
15. Nguyễn Tài Thu	Viện Hàn lâm Khoa học và Xã hội Việt Nam
16. Nguyễn Thị Phương Trâm	Viện Hàn lâm Khoa học và Xã hội Việt Nam
17. Trần Thị Vinh	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
18. Peter Zinoman	Đại học Berkeley, Hoa Kỳ

Biên tập nội dung ĐÀO THỊ THU HẰNG

Trình bày
PHÒNG TẠP CHÍ & TTKHCN

In tại Trung tâm Nghiên cứu và Sản xuất Học liệu Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Trụ sở tòa soạn: P.514-518, Tầng 5, Nhà Hành chính ĐHSP Hà Nội, 136 Đường Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
ĐT: (04) 375477823(514-518). Website <http://stdb.hnue.edu.vn>.

Giấy phép xuất bản số 505/GP-BCTT cấp ngày 18-11-2016. In xong và nộp lưu chiểu tháng 11 năm 2017.

TỔNG QUAN VỀ CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU TRUYỆN KẾ DÂN GIAN VIỆT NAM TỪ GÓC ĐỘ TYPE VÀ MOTIF (TRƯỜNG HỢP Ở VIỆT NAM)

Nguyễn Thị Nhụng
Trường Đại học Dân tộc, Trường Đại học Cần Thơ

Tóm tắt. Nghiên cứu truyện kể dân gian theo type và motif là một hướng nghiên cứu folklore hiệu quả và khá phổ biến trên thế giới. Tiêu biểu là các nghiên cứu của Antti Aarne và Stith Thompsons (Phần Lan); V.I.a. Propp, Veselovski và Meletinski (Nga)... Ở Việt Nam, nhiều người đã vận dụng thành quả của các nhà nghiên cứu nêu trên trong quá trình thực hiện những nghiên cứu về truyền kể dân gian và được những thành tựu nhất định. Bài viết này tập trung tổng hợp, nhận định kết quả vận dụng lý thuyết nêu trên của các nhà nghiên cứu Việt Nam với mục đích giúp bạn đọc có một cái nhìn tổng quan, toàn diện về hướng nghiên cứu.

Từ khóa: Nghiên cứu, truyện kể dân gian, type và motif.

1. Mở đầu

Nghiên cứu truyện kể dân gian theo type và motif là một hướng nghiên cứu xuất hiện khá sớm trong lịch sử các phương pháp nghiên cứu folklore thế giới. Antti Aarne và Stith Thompsons được giới nghiên cứu folklore nhắc đến đầu tiên khi các ông căn cứ trên cơ sở phương pháp địa lí lịch sử tiến hành sưu tầm tất cả các bản kể và các dị bản của nó để sắp xếp những bản có đặc điểm cấu tạo giống nhau vào cùng một type truyện và đặt tên theo thứ tự nhất định từ A đến Z để tạo nên một bảng mục lục tra cứu hết sức hữu dụng cho các nhà nghiên cứu Foklore trên toàn thế giới [14].

Nền tảng lí thuyết theo hướng cấu trúc chức năng là thuyết của V.I.a. Propp về motif và lí thuyết chức năng của nhân vật. V.I.a. Propp cho rằng: “trong truyện cổ tích còn có những yếu tố nhỏ hơn motif và chúng không tồn tại theo một trật tự xác định mà mỗi motif có công thức cấu tạo riêng và thể phân chia thành nhiều thành phần nhỏ hơn” [10].

Nếu như việc vận dụng lí thuyết của trường phái Phần Lan và lí thuyết cấu trúc của V.I.a. Propp giúp các nhà nghiên cứu xác định một cách khá chính xác tên gọi, cấu tạo và bước đầu giúp họ nhận diện ra sự tương đồng và khác biệt giữa các type và motif của truyện kể dân gian, thì hướng nghiên cứu so sánh theo lí thuyết của Trường phái Thi pháp lịch sử mà đại diện là A.N. Veselovsky đã góp phần đưa việc so sánh type và motif truyện kể dân gian, đến một bình diện rộng hơn và sâu sắc hơn, nghiên cứu chúng trong cả nguồn gốc sản sinh lẫn quá trình biến đổi và chuyển hóa để lí giải một cách trọn vẹn dựa trên các dữ liệu về lịch sử, văn hóa, tôn giáo, phong tục, tín ngưỡng... Ở Việt Nam, trong quá trình vận dụng, hướng nghiên cứu này cũng đã có những bước phát triển khác

nhau đạt và được những thành tựu nhất định. Trong bài viết này, chúng tôi tổng quan lại những công trình của các nhà nghiên cứu truyện kể dân gian từ góc độ type và motif theo hướng này trên ba phương diện tiêu biểu nêu trên. Từ đó, góp phần giúp người đọc có cái nhìn tổng quan, toàn diện hơn về hướng nghiên cứu này tại Việt Nam.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Vận dụng bảng mục lục tra cứu type và motif truyện cổ dân gian của Antti Aarne và Stith Thompsons

2.1.1. Về bảng tra mục lục type và motif

Trong bài viết *Nghiên cứu văn học dân gian từ góc độ type và motif - những khía cạnh và bài học*, tác giả Trần Thị An đã nhận định: Công trình thứ nhất đến công trình thứ ba của Antti Aarne và Stith Thompsons chứng tỏ rằng đã có một bước tiến rất xa trong quan điểm học thuật của trường phái Phần Lan. Sự ứng dụng phương pháp type và motif trong biên soạn các bảng tra cứu văn học dân gian và nghiên cứu văn học dân gian có một sức lan tỏa rất lớn. Nó không chỉ dấy lên phong trào nghiên cứu ở trường Indiana mà còn xâm nhập khá sâu vào giới nghiên cứu folklore thế giới, trong đó có Việt Nam [1].

Về lịch sử hình thành lý thuyết này, Trần Thị An đã viết: “Trường phái này được khởi xướng bởi các nhà nghiên cứu folklore Phần Lan là Julius Leopold Fredrik Krohn (1835-1888), giáo sư văn học Phần Lan ở Đại học Tổng hợp Helsinki và con ông, Kaarle Krohn (1863-1933), giáo sư ngành Folklore so sánh của trường Đại học Tổng hợp Helsinki, Chủ tịch Hội Văn học Phần Lan. Phương pháp nghiên cứu này được tiếp tục bởi học trò của hai ông là Antti Aarne (1867-1925). Các nhà nghiên cứu theo phương pháp trên đã tiến hành sưu tầm càng nhiều càng tốt các dị bản truyện cổ tích, lập nên bảng tra rồi tiến hành so sánh để tìm ra bản cổ nhất, trên cơ sở đó mà xác định được nơi phát tích của một truyện cổ và vạch ra con đường địa lí của sự lưu truyền truyện cổ ấy, giống như “chúng ta có thể lần theo dấu vết con thú về hang ổ của nó”. Stith Thompson (1885-1976), giáo sư tiếng Anh của trường đại học Indiana, người có công thành lập Viện Folklore đầu tiên ở nước Mỹ thuộc trường đại học Indiana vào năm 1942, là người có công mở rộng bảng tra type được lập nên bởi Antti Aarne, xuất bản năm 1910” [1]. Trong bảng tra cứu này, ông quan niệm “Type là những cốt truyện có thể tồn tại độc lập trong kho tàng truyện kể truyền miệng, có thể coi nó như là một truyện kể hoàn chỉnh, ý nghĩa của nó không giống với bất kỳ một truyện nào khác. Tất nhiên, nó cũng có thể kết hợp với truyện khác một cách ngẫu nhiên, nhưng xuất hiện một cách riêng rẽ thì cũng đã có thể chứng minh tính độc lập của nó. Nó có thể gồm một hoặc nhiều motif...”; “Motif là thành phần nhỏ nhất có thể tồn tại liên tiếp trong truyền thống. Type là một loạt motif kết hợp theo tự tương đối cố định”.

Phương pháp mà Stith Thompson và Antti Aarne sử dụng để xác định và xây dựng nên các type truyện và gọi tên các type là trên cơ sở sưu tầm, khảo sát toàn bộ các truyện kể ở Helsinki, Bắc Âu, bộ truyện gia đình của anh em Grimm và những truyện cổ dân gian sưu tầm ở Châu Âu và Ấn Độ sau đó chia chúng thành ba nhóm: Truyền về loài vật, truyện dân gian thông thường, truyện cười và giai thoại rồi đặt tên chúng từ 1 đến 800 type.

Về bảng tra motif, Stith Thompson căn cứ trên sự giống nhau của các tình tiết truyện của các type truyện mà ông sưu tầm được sắp xếp chúng thành ba loại: Nhân vật là thần thánh, các con vật (hiền và ác) có phép thần; Những đồ vật làm nền cho các hành động (vật thần kì, vật quấn khác thường, niềm tin lạ lùng) và những sự việc đơn lẻ sau đó sắp xếp chúng thành hơn 20 chương từ A

đến Z.

2.1.2. Vận dụng bảng mục lục tra cứu type và motif truyện cổ dân gian của Antti Aarne và Stith Thompsons trong nghiên cứu truyện cổ dân gian của các nhà khoa học Việt Nam

Ở Việt Nam việc vận dụng bảng mục lục tra cứu type và motif truyện cổ dân gian của Antti Aarne và Stith Thompsons trong nghiên cứu truyện dân gian được rất nhiều các nhà nghiên cứu hướng ứng và vận dụng. Việc vận dụng này tập trung theo một số hướng như sau:

a. Vận dụng để xây dựng bảng tra hoặc từ điển type và motif của truyện kể Việt Nam

Phương pháp này đã được rất nhiều nhà nghiên cứu Truyền kể dân gian Châu Á, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc vận dụng và đạt được những kết quả rất đáng trân trọng. Ở Việt Nam, tiêu biểu cho hướng vận dụng này có thể kể đến các nhà nghiên cứu như: Nguyễn Thị Hiền và Nguyễn Thị Huệ. Tác giả Nguyễn Thị Hiền trong một nghiên cứu của mình đã khảo sát một trường hợp cụ thể đó là truyện cổ tích *Tâm Cám*, theo bà, truyện *Tâm Cám* của Việt Nam có tất cả 35 motif (trong đó có 20 motif có sẵn trong bảng danh mục của Antti Aarne và Stith Thompsons và 15 motif do bà tìm ra). Bên cạnh đó bà cũng cho rằng phương thức này có thể vận dụng cho bất kỳ truyện cổ dân gian nào của Việt Nam [7]. Mặc dù những motif mới mà bà tìm được chủ yếu được suy ra từ các motif lớn hơn nhưng cách khảo sát này góp phần định hướng cho rất nhiều nghiên cứu về truyện dân gian từ góc độ type và motif của các nhà nghiên cứu trẻ như chúng tôi. Gần đây, năm 2012, tác giả Nguyễn Thị Huệ cũng đã biên soạn một *Bảng mục lục tra cứu type và motif truyện dân gian Việt Nam*, với mong muốn sẽ góp phần trong việc cung cấp tư liệu tra cứu các type truyện và motif truyện dân gian Việt Nam cho giới nghiên cứu văn học dân gian Việt Nam nói riêng và những học giả nước ngoài quan tâm nghiên cứu đến truyện dân gian Việt Nam nói chung [9]. Có thể xem quyển từ điển type và motif này là một tài liệu tra cứu rất bổ ích, là kim chỉ nam hết sức hữu dụng cho việc tra cứu và gọi tên các type truyện dân gian của các dân tộc ở Việt Nam, trong đó có truyện cổ tích thần kì.

b. Vận dụng để so sánh type và motif của truyện kể Việt Nam

Bên cạnh các công trình biên soạn, sắp xếp các truyện kể dân gian như trên, khuynh hướng nghiên cứu so sánh truyện kể dân gian theo các hệ thống type, motif cũng đã được các nhà nghiên cứu folklore trên thế giới tiến hành. Hướng nghiên cứu này tập trung xác định các motif, đơn vị nền tảng cấu thành cốt truyện (là đơn vị hạt nhân, là thành phần có thể phân tích được hoặc có thể chỉ là một mẫu kể ngắn gọn, đơn giản, một sự việc gây ấn tượng...) của type truyện để tiến hành so sánh tìm ra sự tương đồng và khác biệt giữa chúng về mặt cấu tạo, đồng thời căn cứ trên các dữ liệu về địa văn hóa, dân tộc học, ... để lý giải cho sự tương đồng và khác biệt đó. Nền tảng lý thuyết của hướng nghiên cứu này là phương pháp của trường phái Phần Lan (lập sơ đồ các type và motif của tất cả các dãy bản truyện kể, sau đó tiến hành so sánh và lý giải căn cứ vào dữ liệu địa lý, lịch sử văn hóa hoặc lý giải cho sự dịch chuyển và biến đổi các motif trong quá trình lưu truyền trong cùng một vùng văn hóa hoặc từ vùng văn hóa này đến vùng văn hóa khác...). Tuy việc nghiên cứu type và motif truyện dân gian theo hướng so sánh này được khởi xướng khá muộn ở Việt Nam nhưng được rất nhiều nhà nghiên cứu về văn học dân gian Việt Nam nói chung và các nhà nghiên cứu về truyện kể dân gian nói riêng áp dụng.

Tiêu biểu cho hướng nghiên cứu này có thể kể đến các bài viết của các tác giả Lê Chí Quê, Kiều Thu Hoạch, Nguyễn Tân Đắc, Nguyễn Thị Hiền... Lê Chí Quê là người là người có công trong việc giới thiệu phương pháp so sánh theo hướng này. Năm 1994, ông đã viết bài *Trường phái văn học dân gian Phần Lan - những nguyên tắc lý luận và khả năng ứng dụng* đăng trên Tạp chí Văn học, số 5/1994 để giới thiệu lý thuyết loại hình học của các nhà folklore Phần Lan và đưa ra

những triển vọng về khả năng ứng dụng của nó ở Việt Nam. Ông cũng chính là người đầu tiên đưa lí thuyết loại hình của trường phái Phần Lan vào nghiên cứu truyện cổ tích, truyền thuyết ở Việt Nam, đồng thời dựa vào lí thuyết loại hình học và thực tiễn ở Việt Nam để xác lập truyền thuyết như một thể loại độc lập của văn học dân gian Việt Nam. Nguyễn Thị Hiền cũng đã giới thiệu khá ngắn gọn và dễ hiểu quan niệm và phương pháp Aarne và Stith Thompson thực hiện trong bảng tra cứu type và motif truyện cổ dân gian, đồng thời tác giả cũng ứng dụng phương pháp này để xác định các các motif trong truyện cổ tích *Tấm Cám*. Cách tiếp cận này gợi mở cho người đọc một cái nhìn chi tiết và rõ nét hơn các motif căn bản của truyện *Tấm Cám*. Đi sâu và cụ thể hơn về phương pháp so sánh này có thể kể đến bài viết của Kiều Thu Hoạch về so sánh truyện *Tràu cau* ở Trung Quốc với type truyện cùng loại của Việt Nam và Campuchia, bàn về tục ăn trầu và văn hóa ăn trầu Đông Nam Á và các bài viết của Nguyễn Tấn Đắc giới thiệu bằng tra cứu AT và vận dụng lí thuyết type và motif trong nghiên cứu truyện *Tấm Cám* [3]...

Bên cạnh đó, cũng có rất nhiều nhà nghiên cứu đã vận dụng phương pháp này trong công trình nghiên cứu của mình chẳng hạn như: Vũ Anh Tuấn trong luận án PTS của mình đã hệ thống và xác định các type truyện cơ bản của các truyện kể dân gian Tày ở Đông Bắc Việt Nam và giúp người đọc có cái nhìn tổng quát về các đặc điểm của các típ truyện này. Nguyễn Bích Hà trong chuyên khảo *Thạch Sanh và kiểu truyện dũng sĩ trong truyện cổ tích Việt Nam và Đông Nam Á* bên cạnh việc thống kê, phân tích và diễn hóa các motif trong kiểu truyện Thạch Sanh, tác giả còn tiến hành so sánh kiểu truyện dũng sĩ của Việt Nam và Đông Nam Á với những nhận xét thú vị, làm cơ sở cho các nghiên cứu về truyện dân gian sau này của các nhà nghiên cứu trẻ ...

Gần đây, nhiều luận án, luận văn của các nghiên cứu sinh và học viên cao học đã vận dụng lí thuyết type và motif của Antti Aarne và Stith Thompson làm nền tảng lí thuyết cho nghiên cứu của mình như: Đường Tiểu Thi, La Mai Thi Gia, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Nguyễn Lan Ngọc, Nguyễn Thị Nguyệt... Các công trình nghiên cứu này một lần nữa khẳng định hướng tiếp cận truyện kể dân gian theo hướng type và motif là một hướng đi đúng và mang lại những giá trị nhất định giúp các nhà nghiên cứu đi sau như chúng tôi vững tin hơn trong việc vận dụng lí thuyết của Antti Aarne và Stith Thompson vào nghiên cứu của mình.

2.2. Vận dụng lí thuyết của V.Ia.Propp để phân tích cấu tạo của type và motif truyện

2.2.1. Về lí thuyết của Propp

V.Ia.Propp, nhà nghiên cứu Nga với những công trình nghiên cứu về folklore rất có giá trị, trong đó có thể khẳng định: Công trình *Hình thái học của truyện cổ tích* là một trong những công trình giúp các nhà nghiên cứu ở các nước trên thế giới có những định hướng đúng đắn trong quá trình nghiên cứu truyện cổ tích thần kì. Trong công trình này ông đưa ra 31 chức năng của nhân vật và khẳng định các chức năng này làm nên những bộ phận cơ bản của các type truyện cổ tích thần kì. Propp cho rằng: Motif là những đơn vị còn có thể phân chia được và là những thành phần được tạo nên từ các chức năng của nhân vật hành động. Motif không phải là sơ đẳng và cũng không chỉ bao gồm một thành phần mà motif là một đơn vị còn có thể phân chia được nhỏ hơn. Theo ông trong truyện cổ tích còn có những yếu tố nhỏ hơn motif và chúng không tồn tại theo một lôgich độc lập. Ví dụ motif *Sự phái đi*: motif này bao gồm các phần nhỏ hơn được kết hợp lại như (1) người phái đi + (2) việc phái đi + (3) người được phái đi + (4) mục đích của việc phái đi + (5) hành động ra đi tìm kiếm của nhân vật được phái đi. Trong các yếu tố này theo ông chỉ có hai chức năng của nhân vật hành động là sự phái đi và sự ra đi tìm kiếm là những đại lượng bất biến, luôn luôn

có mặt trong bất kỳ một cấu trúc truyện cổ tích thần kì nào. Bên cạnh nó, những đại lượng còn lại thì thường biến và có thể biến đổi trong nhiều cốt truyện khác nhau. Và chính sự biến đổi của các thành phần đã làm nảy sinh sự hoán cải các câu chuyện cổ tích và dẫn đến sự biến thiên của các đề tài [12].

2.2.2. Vận dụng

Những lí thuyết tiền đề nêu trên của Propp đã có những ảnh hưởng tích cực đến hướng nghiên cứu so sánh truyện cổ tích của nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới chung và ở Việt Nam nói riêng. Trong quá trình so sánh giữa các type truyện với nhau, các nhà nghiên cứu thường dựa trên hành động của nhân vật, các sự kiện diễn ra trong cuộc đời của các nhân vật và diễn biến nội dung của câu chuyện để xác định các sơ đồ cấu tạo của cốt truyện và cấu tạo cụ thể của các motif để so sánh tìm ra sự tương đồng và khác biệt của các kiểu truyện.

Tiêu biểu cho hướng nghiên cứu type và motif theo cấu trúc ở Việt Nam có thể kể đến một số tác giả như: Chu Xuân Diên, Nguyễn Thị Huệ, Tăng Kim Ngân và một số nhà nghiên cứu trẻ như Phạm Tuấn Anh, La Mai Thị Gia...

Chu Xuân Diên, trong bài viết *Về cái chết của mẹ con di ghê trong truyện Tấm Cám*, đã vận dụng lí thuyết cấu trúc của Propp để phân tích cấu tạo của motif trừng phạt ở cuối truyện. Ông đã đưa ra những giả thuyết về sự kết hợp giữa yếu tố bắt biển và thương biển có liên quan đến hành động của nhân vật trong motif trừng phạt và đưa ra sơ đồ cấu tạo của motif này cụ thể như sau: (1) Nhân vật thực hiện sự trừng phạt + (2) Hình thức trừng phạt + (3) Cái chết của nhân vật bị trừng phạt. Cách phân tích này giúp cho người đọc nhận thấy: Trong kiểu truyện *Tấm Cám* của Việt Nam và các nước Đông Nam Á, tình tiết thứ (3) của motif trừng phạt luôn là cái chết (bắt biển) còn hai tình tiết còn lại (1), (2) có thể thay đổi trong các truyện khác nhau (thương biển) [2].

Tăng Kim Ngân đã vận dụng lí thuyết cấu trúc chức năng của Propp trong chuyên luận *Cố tích thần kì người Việt - Đặc điểm cấu tạo cốt truyện*. Tác giả đã dành cả chương 1 để giới thiệu lí thuyết tiếp cận cốt truyện theo lí thuyết của Propp và chương 2 để phân tích cấu tạo của các kiểu truyện [9]. Đây là tài liệu hết sức bổ ích cho những nhà nghiên cứu dự kiến tiếp cận các type truyện dân gian theo lí thuyết của Propp.

Tác giả Trần Thị An trong bài viết *Motif đứa trẻ bị bỏ rơi và kết cấu cổ tích trong Không gia đình và Oliver Twist* đã xác định trong *Không gia đình* và *Oliver Twist*, nhân vật chính đã thực hiện lần lượt 19 chức năng số 1, 2, 4, 5, 6, 8, 9, 12, 17, 19, 20, 21, 22, 23, 26, 27, 29, 30, 31. Các chức năng đó có tên gọi là: Sự vắng mặt, sự cầm đoán, sự dò la, sự bộc lộ, sự lừa dối, việc làm hại, sự liên kết, thử thách của người cho, sự đánh dấu, sự khắc phục tai họa (hay khắc phục sự thiếu thốn), trở về, sự truy nã, sự thoát khỏi, chuyện viếng thăm bí mật, sự nhận ra, sự vạch mặt, sự chuyển, sự trừng trị, kết hôn. Đây là một trong những bài khá công phu nghiên cứu so sánh truyện dân gian và tiểu thuyết từ góc độ type và motif và góc độ chức năng nhân vật.

Luận án Tiến sĩ của Phạm Tuấn Anh và chuyên khảo của La Mai Thị Gia cũng sử dụng phương pháp tiếp cận này.

2.3. Vận dụng lí thuyết của thi pháp lịch sử của Veselovski và Meletinski để so sánh type và motif

2.3.1. Lí thuyết của Veselovski và Meletinski

Veselovski là nhà folklore học Nga nổi tiếng thế kỉ XIX. Ông là người đầu tiên đưa ra khái niệm type và motif. Theo ông Trần Đức Ngôn, mặc dù các nghiên cứu của Veselovski về type và

motif tập trung chủ yếu trong các bài viết riêng lẻ nhưng quan niệm và tư tưởng của ông là những tiên đề vững chắc giúp các nhà nghiên cứu trên thế giới vận dụng và phát triển. Ông quan niệm: Motif là yếu tố cố định (yếu tố bắt biển) trong truyện cổ tích thần kì. Cũng theo ông, những truyện cổ tích thần kì có cùng một số motif giống nhau sẽ thuộc về một type. Bên cạnh đó, ông cũng nhấn mạnh: giữa type và motif luôn có mối quan hệ biện chứng với nhau. Trong trường hợp cốt truyện chỉ bao gồm một motif thì motif này có thể chuyển hóa thành type và ngược lại, một cốt truyện đang thuộc về một type, có thể di chuyển vào một cốt truyện khác phức tạp hơn và chỉ là một thành phần của cốt truyện phức tạp này [16].

Nhận thức về mối quan hệ giữa motif và cốt truyện, quan niệm của F.M.Meletinski lại có những nét tương đồng với Veselovski. Nếu Veselovski coi motif là đơn vị đầu tiên sơ khởi, là khái quát hóa đơn giản nhất, theo thời gian nó liên tục chuyển đổi, gia tăng, nỗi dài, được đắp thêm những tinh tiết trong sinh hoạt thực tại của xã hội và cuối cùng là chuyển hóa thành cốt truyện... thì Meletinski coi Motif là hạt nhân của hành động, cốt truyện được hình thành từ sự kết hợp của loại motif cổ xưa và motif sinh hoạt xã hội. Những motif cổ xưa có nguồn gốc từ những khía cạnh sinh hoạt và thế giới quan của xã hội trước giai cấp đã hình thành nên chủ đề cốt truyện của truyện cổ tích. Những motif sinh hoạt xã hội thường tạo nên chủ đề, trong khi các motif cổ xưa tạo thành hạt nhân cốt lõi của chủ đề đó. Hay nói một cách khác: các motif sinh hoạt xã hội phản ánh sự tan rã của chế độ công xã nguyên thủy, còn các motif cổ xưa thì có nguồn gốc ở các mặt sinh hoạt khác nhau và ở thế giới quan của xã hội trước khi có giai cấp. Trong sự kết hợp này, các motif cổ xưa là cái cốt lõi, còn các motif sinh hoạt thì thường làm thành đường viền, thành cái khung của cốt truyện [6].

2.3.2. Vận dụng

Trên thế giới, V.I.a. Propp với công trình *Những căn rể của truyện cổ tích thần kì* (2003) và E.E. Meletinsky với công trình *Nhân vật truyện cổ tích thần kì - nguồn gốc các hình tượng* (1958) là hai đại diện tiêu biểu cho việc áp dụng lí thuyết của Trường phái Lịch sử vào nghiên cứu của mình.

Ở Việt Nam, có rất nhiều công trình và bài báo ứng dụng phương pháp nghiên cứu so sánh lịch sử rất khả thi và đã vạch ra một hướng nghiên cứu mới cho các nhà nghiên cứu trẻ giống như chúng tôi. Tiêu biểu cho hướng nghiên cứu này, đầu tiên có thể kể đến phần lí giải của Chu Xuân Diên về motif “chết do bị dội nước sôi” trong kiều truyện *Tấm Cám* ở Việt Nam và các nước Đông Nam Á có nguồn gốc từ nghi lễ thờ nước của xã hội thị tộc..., Nguyễn Thị Huệ, khi nghiên cứu về nhân vật xấu xí mà tài ba trong truyện cổ tích Việt Nam cũng đã đưa ra khá nhiều lí giải về nguồn gốc phong tục và tín ngưỡng của người mang lốt [8], Đinh Gia Khánh, Tăng Kim Ngân và một số Nghiên cứu sinh như La Mai Thị Gia, Nguyễn Thị Nguyệt cũng đã vận dụng hướng nghiên cứu này trong quá trình lí giải các vấn đề nghiên cứu của mình.

3. Kết luận

Như vậy, nghiên cứu truyện kể dân gian theo type và motif là một hướng nghiên cứu hiệu quả, xuất phát từ đặc trưng riêng biệt của truyện kể dân gian. Vì vậy, hướng nghiên cứu này được đông đảo các nhà khoa học trên thế giới và trong nước vận dụng. Ở Việt Nam, hướng nghiên cứu này đã và đang giúp cho các nhà nghiên cứu chỉ ra được những giá trị độc đáo, đặc sắc mà truyện kể dân gian chứa đựng, phản ánh. Từ đó, đã góp phần đáng kể vào thành tựu nghiên cứu truyện kể dân gian Việt Nam nói riêng, folklore trên thế giới nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Thị An, 2008. *Nghiên cứu văn học dân gian từ góc độ type và motif - những khía cạnh và bất cập*. Tạp chí Nghiên cứu Văn học, số 7/2008.
- [2] Trần Thị An, 2008. *Motif dứa trê bị bỏ rơi và kết cấu cổ tích trong Không gia đình và Oliver Twist*. Tạp chí Văn học nước ngoài. Hà Nội, số 5/2008
- [3] Chu Xuân Diên, *Về phương pháp so sánh trong nghiên cứu văn hóa dân gian*, <http://khoaovanhoc-ngonngu.edu.vn>.
- [4] Nguyễn Tân Đắc (chủ biên), 1983. *Về bảng mục lục tra cứu các type và motif của truyện kể dân gian*, *Văn học dân gian, những phương pháp nghiên cứu*. Nxb Khoa học Xã hội.
- [5] Nguyễn Tân Đắc, 2001. *Truyện kể dân gian đọc bằng type và motif*. Nxb Khoa học Xã hội.
- [6] La Mai Thị Gia, 2012. *Motif trong nghiên cứu truyện kể dân gian lí thuyết và ứng dụng*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [7] Nguyễn Bích Hà, 1998. *Thạch Sanh và kiểu truyện dũng sĩ trong truyện cổ tích Việt Nam và Đông Nam Á*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [8] Nguyễn Thị Hiền, 1996. *Nghiên cứu truyện Dân gian Việt Nam theo bảng mục lục tra típ và mô típ*. Tạp chí Văn hóa Dân gian số 3-2000, tr. 105-127.
- [9] Nguyễn Thị Huế, 1999. *Nhân vật xấu xí mà tài ba trong truyện cổ tích Việt Nam*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [10] Nguyễn Thị Huế, 2012. *Từ điển type truyện Dân gian Việt Nam*. Nxb Lao động.
- [11] Tăng Kim Ngân, 1994. *Cố tích Thần kì người Việt*. Nxb Khoa học Xã hội.
- [12] Nhiều người dịch, 2003. *Tuyển tập V.Ia.Propp – Hình thái học của truyện cổ tích thần kì tập 1*. Nxb Văn hoá Dân tộc.
- [13] Park Yeon Kwan, 2002. *Nghiên cứu so sánh một số típ truyện Cố tích Việt Nam và Hàn Quốc*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [14] Phạm Tuấn Anh, 2010. *Phân loại các type truyện cổ tích thần kì Việt Nam theo cấu trúc cốt truyện*, Luận án Tiến sĩ trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [15] Nhiều người dịch, 2004. *Tuyển tập V.Ia.Propp tập 2*. Nxb Văn hoá dân tộc.
- [16] Vũ Anh Tuấn, 1991. *Khảo sát cấu trúc và ý nghĩa một số típ truyện kể dân gian Tây ở vùng Đông Bắc Việt Nam*. Luận án Phó tiến sĩ Ngữ văn.
- [17] Stith Thompson, 1958. *Motif - index of folk - literature*. Indiana University press; Blomington and Indianapolis.

ABSTRACT

Overview of research works on Vietnamese folktale under type and motif perspectives (cases in Vietnam)

Nguyen Thi Nhung,

School of Pre University, Can Tho University

Folktale research under type and motif perspectives is a quite effective and common kind of folklore research in the world, typically including researches of Antti Aarne and Stith Thompson (Finland); V.Ia. Propp, Veselovski and Meletinski (Russia)... In Vietnam, many persons have used research results of the above researchers during their research on folktale and actually obtained certain achievements. In this paper, focus is given to the synthesis and judgement on theoretical application results of Vietnamese researchers for the purpose of providing readers with an overview and comprehensive insight on research direction.

Keywords: Study, folktale, type and motif.

HÌNH TƯỢNG PHẠM NHAN TRONG TRUYỀN THUYẾT DÂN GIAN NGƯỜI VIỆT

Đoàn Thị Ngọc Anh
Khoa Ngữ văn & Địa lí, Đại học Hải Phòng

Tóm tắt. Phạm Nhan là nhân vật phán diện trong truyền thuyết của người Việt. Hình tượng nhân vật Phạm Nhan được tác giả dân gian xây dựng vừa thực vừa hư, vừa thần bí vừa có sức ảnh hưởng lớn trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Bài viết tập trung làm rõ Phạm Nhan là ai? Đặc điểm, hành trạng của nhân vật và những ảnh hưởng của vị tà thần này trong đời sống văn hóa tín ngưỡng của nhân dân. Hình tượng Phạm Nhan trong truyền thuyết là một hiện tượng đặc biệt và hết sức phức tạp trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam.

Từ khóa: Phạm Nhan, truyền thuyết dân gian, hình tượng nhân vật.

1. Mở đầu

Phạm Nhan là nhân vật có nguồn gốc từ lịch sử. Truyền thuyết Phạm Nhan được xây dựng nhằm thỏa mãn tính hiếu kì và lòng căm thù giặc của nhân dân. Hình tượng Phạm Nhan trong truyền thuyết người Việt chưa được nghiên cứu một cách hệ thống. Lâu nay, một số công trình, bài viết có đề cập tới Phạm Nhan đều ở dạng những bài viết riêng lẻ, và những nhận định rời rạc. Tài liệu *Thần tích Đức Thánh Trần* do Bắc Việt tương kế hội xuất bản năm 1963, tại Sài Gòn có bài viết về Phạm Nhan với nhan đề *Phạm Nhan một kẻ tài thần hại dân hại nước giam thần trừ di* [5]. Viết về câu chuyện Phạm Nhan, sách *Việt Điện u linh tập lục toàn biên* chép: hồn Phạm Nhan sau khi bị Hưng Đạo Vương hành hình di khắp nơi hớp hồn phụ nữ, khiến cho họ đau ốm liên miên. Hồ Đức Thọ trong công trình *Trần triều Hưng Đạo Đại Vương trong tâm thức người Việt* có nhắc đến: “Phạm Nhan là một tên tướng giặc có yêu thuật thường hay gây tai vạ cho nhân dân, nhất là phụ nữ nên khi ốm đau dai dẳng không rõ nguyên nhân thường nghĩ là ma làm (chỉ Phạm Nhan)” [3]. Khi *Khảo sát truyền thuyết và một số phong tục, lễ hội ở vùng đảo Hà Nam - Quảng Ninh* (Luận văn thạc sĩ), tác giả Nghiêm Thị Mai Lan đã xếp Phạm Nhan vào nhóm nhân vật kỵ thù trong chuỗi truyền thuyết khảo sát được ở vùng đảo này. Có khá nhiều ý kiến thống nhất Phạm Nhan vốn là kỵ thù của dân tộc, khi sống di đền dâu gây tàn sát cả muôn loài cây cỏ, khi chết trở thành loài quỷ hút máu người. Nhân vật Phạm Nhan trở thành nỗi ám ảnh không nguôi của người dân Việt. Trong bài viết này, chúng tôi nghiên cứu về truyền thuyết Phạm Nhan dưới góc độ một thể loại văn học. Lý giải hình tượng Phạm Nhan trong truyền thuyết, khai thác những điểm khác biệt về truyền thuyết Phạm Nhan so với những truyền thuyết về các nhân vật phúc thần khác. Đây là một vấn đề mới và hấp dẫn.

Ngày nhận bài: 15/5/2017. Ngày sửa bài: 21/7/2017. Ngày nhận đăng: 20/10/2017
Liên hệ: Đoàn Thị Ngọc Anh, e-mail: ngocanhdt.dhpt@gmail.com

MỤC LỤC

Đào Thị Thu Hằng , Đam mĩ trong <i>Chân dung nàng Shunkin</i> của Tanizaki Junichiro	3
Hoàng Thị Hiền Lê , Con người Nhật Bản cô đơn trong một số tiểu thuyết của Murakami Haruki	11
Đặng Phương Thảo , Hợp xướng giọng điệu trong tiểu thuyết Haruki Murakami	19
Lê Thúy Hằng , Kết cấu nhân vật cặp đôi trong kịch của Samuel Beckett	29
Nguyễn Thị Thu Dung , Châm biếm – tư duy nghệ thuật độc đáo của W.Thackeray	36
Lê Thị Bích Thủy , Một tip xây dựng nhân vật mồ côi trong truyện cổ tích thần kì Việt Nam – Lào	44
Nguyễn Thị Lý , Một số Motif thường gặp trong kiểu truyện về nhân vật thông minh, lú lỉnh của truyện dân gian Lào, Thái Lan, Campuchia	51
Nguyễn Thị Quỳnh Thơ , Trường nghĩa Voi trong sử thi Ê đê	61
Nguyễn Thị Nhung , Tổng quan về các công trình nghiên cứu truyện kể dân gian Việt Nam từ góc độ type và motif (trường hợp ở Việt Nam)	69
Đoàn Thị Ngọc Anh , Hình tượng Phạm Nhan trong truyền thuyết dân gian người Việt	76
Phạm Thị Thu Loan , Ngọn nguồn tư tưởng của văn học Phật giáo Lý - Trần	81
Nguyễn Thị Hải Phương , Cảm quan về đời sống mang màu sắc hiện sinh trong tiểu thuyết Việt Nam hiện nay	89
Bùi Hải Yến , Một số motif độc đáo trong kịch Lưu Quang Vũ	96
Đỗ Tiến Minh , “Đạo” và “đời”, lí tưởng và hiện thực trong <i>Đám cưới không có giấy giá thú</i> của Ma Văn Kháng	104
Đặng Thị Bích Hồng , <i>Sự mất ngủ của lúa</i> : tâm thức hoài hương trong thơ sinh thái Nguyễn Quang Thiều	112
Vũ Thị Tuyết , Biểu trưng của các từ ngữ chỉ phương tiện và công cụ sản xuất trong ca dao tình yêu người Việt	118
Nguyễn Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Mộc Lan , Xây dựng cộng đồng học tập tiếng Anh:	

Những vấn đề cần suy nghĩ khi lựa chọn mô hình học tập của phương Tây	126
Nguyễn Thị Thu Thủy , Tổ chức phòng bị ở vùng biên giới phía Bắc dưới thời vua Minh Mệnh (1820-1840)	134
Mai Thị Tuyết , Đồn điền ở Hà Nam từ năm 1890 đến năm 1930	144
Lê Thị Vân Anh , Nghiên cứu, đánh giá tác động chỉ thị số 25-CT/TU của ban thường vụ Tỉnh ủy Sơn La đến đội ngũ cán bộ, đảng viên thành phố Sơn La	151
Lê Thị Tường Vân , Cách ứng phó và mối quan hệ giữa cách ứng phó với mức độ sang chấn tâm lí của phụ nữ bạo lực gia đình	158
Tô Thị Hồng Nhung , Sử dụng hiệu quả lao động ở thành phố Hải Phòng	167
Nguyễn Ngọc Ánh, Nguyễn Quang Thái, Bùi Thị Cẩm Ngọc và Phạm Anh Tuấn , Phân tích biến động sử dụng đất ở tỉnh Hải Dương giai đoạn 2005-2015 và ảnh hưởng của sự biến động này tới việc sử dụng hợp lý tài nguyên đất	177
Nguyễn Thị Hoài , Thu hút đầu tư phát triển công nghiệp tỉnh Nghệ An: thực trạng và giải pháp	187
Hoàng Phan Hải Yên , Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành trong nông nghiệp ở tỉnh Nghệ An giai đoạn 2000 - 2015	200
Đặng Thị Nhuần , Tri thức bản địa trong canh tác lúa nước của dân tộc Thái tỉnh Sơn La	209
Nguyễn Thị Phương Nga , Đánh giá khả năng khai thác các điểm du lịch theo các tiểu vùng du lịch tỉnh Hà Giang	217